

Bản án số: 371/2020/DS-ST

Ngày: 30/09/2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Trung Kiên

Ông Nguyễn Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T: Bà Lê Trương Hà Linh- KSV

Ngày 30 tháng 09 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 295/2020/TLST-DS ngày 09/07/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2020/QĐST-DS ngày 14/09/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: đường M, phường L, quận K, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quang B hoặc ông Bùi Đức L (Văn bản ủy quyền số 234 ngày 29/4/2020) (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H

Địa chỉ: đường S, phường X, quận T, TP Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N có ông Bùi Đức L là đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng có cho bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 80.000.000 đ theo hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 545DA15 ngày 04/8/2015, thời hạn vay 24 tháng, không có biện pháp bảo đảm. Tính đến ngày 30/09/2020 bà Nguyễn Thị Thu H còn nợ ngân hàng số tiền 14.952.148 đ, bao gồm tiền gốc là 4.896.253 đ, lãi trong hạn 7.348.285 đ, lãi quá hạn 2.707.610 đ. Nay nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho ngân hàng TMCP N số tiền nợ gốc và lãi là 14.952.148 đ và toàn bộ khoản lãi phát sinh cho đến khi bà Nguyễn Thị Thu H thanh toán xong khoản nợ trên

Bị đơn – Bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt trong tất cả các buổi Tòa mời làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử, do đó Tòa án không lấy lời khai của bị đơn được.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục, Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về phần nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H có địa chỉ cư trú tại đường S, phường X, quận T, TP Hồ Chí Minh trả các khoản tiền còn thiếu theo hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 545DA15 ngày 04/8/2015 đã ký giữa hai bên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T theo qui định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không có mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

+Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền còn thiếu theo hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 545DA15 ngày 04/8/2015, Hội đồng xét xử nhận thấy: giữa Ngân hàng TMCP N và bà Nguyễn Thị Thu H có ký hợp đồng cho vay trên, ngày 4/8/2015 bà Nguyễn Thị Thu H có ký giấy nhận nợ số tiền 80.000.000 đ. Nay nguyên đơn yêu cầu bà H phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 30/09/2020 bao gồm tiền gốc là 4.896.253 đ, lãi trong hạn 7.348.285 đ, lãi quá hạn 2.707.610 đ, tổng cộng 14.952.148 đ, thời hạn trả ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, đồng thời bà H phải trả lãi phát sinh từ ngày 01/10/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 545DA15 ngày 04/8/2015. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không có ý kiến phản hồi, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP N

Bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền nợ gốc là: 4.896.253 đ (Bốn triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi ba đồng), lãi trong hạn 7.348.285 đ (Bảy triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm tám mươi lăm đồng), lãi quá hạn 2.707.610 đ (hai triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm mười đồng), tổng cộng 14.952.148 đ (Mười bốn triệu chín trăm năm mươi hai ngàn một trăm bốn mươi tám đồng).

Thời hạn trả: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 545DA15 ngày 04/8/2015 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N và bà Nguyễn Thị Thu H.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí sơ thẩm là 747.607 đ (Bảy trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm lẻ bảy đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 361.725 đ (Ba trăm sáu mươi một ngàn bảy trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016612 ngày 01/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. T;
- THADS Q. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Vân

